**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI &NHÂN VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG ĐỒ ÁN**

**HỌC PHẦN: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGHÀNH VÀ LÃNH THỔ**

**ĐỀ TÀI: “QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TẠI NGHỆ AN’’**

**Người hướng dẫn** : TS Nguyễn Thị Lê Vinh

TS Lê Thị Thanh Hiếu

**Sinh viên thực hiện: Nhóm 1**

1. Cụt Văn Minh : Trưởng nhóm
2. Đậu Thị Khánh Huyền : Thành viên
3. Moong Tuấn Anh : Thành viên
4. Phạm Hoàng Anh : Thành viên

**Nghệ An, tháng 11 năm 2024**

**MỤC LỤC**

# **A. MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

*Đề tài:* **“ *Quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường tại tỉnh Nghệ An”***

-Việc bảo vệ môi trường hiện nay là một vấn đề rất cấp bách và cần thiết đối với mỗi quốc gia trong đó có Việt Nam. Đối với Việt Nam, một quốc gia đang phát triển và có tình trạng ô nhiễm môi trường cao, thì công việc đó hết sức khó khăn. Một trong những bất cập ấy đến từ việc xử lý rác thải sinh hoạt hàng ngày của người dân. Rác thải không chỉ gây nguy hại đến môi trường tự nhiên mà lâu dài còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của con người .Tuy nhiên, việc xử lý rác thải là một quá trình hết sức gian nan và vấtvả, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt, sự phối hợp thống nhất giữa chính quyền và người dân địa phương

Nghệ An là một tỉnh có nhiều nét đặc trưng và nổi bật: Diện tích lớn nhất cả nước: Nghệ An tự hào là tỉnh có diện tích rộng lớn nhất Việt Nam, với nhiều địa hình đa dạng từ núi non hùng vĩ đến đồng bằng màu mỡ và bờ biển dài. Vị trí địa lý: Nằm ở vùng Bắc Trung Bộ, Nghệ An có vị trí địa lý thuận lợi, là cầu nối giữa miền Bắc và miền Trung. Lịch sử và văn hóa: Nghệ An có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là quê hương của nhiều anh hùng, hào kiệt và danh nhân văn hóa. Văn hóa Nghệ Tĩnh đậm đà bản sắc, với những làn điệu dân ca ví giặm ngọt ngào và những lễ hội truyền thống đặc sắc

Nghệ An, với diện tích lớn nhất cả nước, không chỉ sở hữu những bãi biển đẹp, di tích lịch sử văn hóa mà còn là một kho tàng tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, bảo vệ tài nguyên này luôn là một vấn đề cần được quan tâm. Trước những vấn đề này, chúng tôi quyết định chọn đề tài "Quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường: Thực trạng và Giải pháp (nghiên cứu tại nghệ an)”

**2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

**2.1 Mục đích nghiên cứu**

**-** Hệ thống hoá về quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường tại Nghệ An. Đánh giá thực trạng về quản lý nhà nước tài nguyên môi trường tại Nghệ an hiện nay. Định hướng và giải pháp nâng cao hiểu quả về tài nguyên môi trường tại Nghệ An

**3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Trình bày cơ sở lý luận và quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường ở Nghệ an

- Phân tích thực trạng quản nhà nước về tài nguyên môi trường ở việt nam hiện nay trên cơ sở khoa học và chuyên gia đánh gia những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường tại Nghệ an

- Đề xuất giải pháp nâng cao hiểu quả về tài nguyên môi trường tại Nghệ an

**4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

**4.1 Đối tượng nghiên cứu**

- Hoạt động quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường tại Nghệ an

**4.2 Phạm vi nghiên cứu**

+ Không gian: Nghệ An

+ Thời gian: Trình bày từ 2014 ( thời điểm ban hành luật nhà nước ở 2014) đến 2024 và tâm nhìn đến 2030

+ Nội dung: Nghiên cứu các hoạt động cơ bản quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

- Thứ nhất: Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường.

- Thứ hai: Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, rủi ro môi trường

- Thứ ba: Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường

- Thứ tư: Giảm sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

- Thứ năm: Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý tài nguyên và môi trường, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường

Thứ sáu:Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

**5.1 Phương pháp luận**

- Chủ nghĩa duy vật biện chứng

- Chủ nghĩa triết học Mác lênin

**5.2 Phương pháp nghiên cứu**

+ *Phương pháp quan sát và thu thập dữ liệu:*

Quan sát trực tiếp: Quan sát các hiện tượng môi trường, quá trình khai thác tài nguyên, các tác động của con người lên môi trường.

Thu thập dữ liệu thứ cấp: Sử dụng các nguồn dữ liệu sẵn có như bản đồ, thống kê, báo cáo nghiên cứu trước đó.

Khảo sát: Tiến hành các cuộc khảo sát để thu thập thông tin từ các cá nhân, tổ chức liên quan.

Phỏng vấn: Phỏng vấn các chuyên gia, người dân địa phương để thu thập thông tin sâu hơn.

+ *Phương pháp phân tích dữ liệu*:

Phân tích thống kê: Sử dụng các kỹ thuật thống kê để mô tả, so sánh và tìm kiếm mối quan hệ giữa các biến số.

Phân tích địa lý: Sử dụng các phần mềm GIS để phân tích dữ liệu không gian, tạo bản đồ và mô hình hóa các quá trình môi trường.

Phân tích mô hình: Xây dựng và phân tích các mô hình toán học để mô phỏng các quá trình môi trường và đánh giá các kịch bản khác nhau.

*+Phương pháp thực nghiệm*:

Thí nghiệm trong phòng: Thực hiện các thí nghiệm để nghiên cứu các quá trình môi trường ở quy mô nhỏ.

Thí nghiệm ngoài thực địa: Thực hiện các thí nghiệm trực tiếp trên môi trường tự nhiên để đánh giá các tác động của các yếu tố khác nhau.

+ *Phương pháp đánh giá tác động môi trường*:

Đánh giá sơ bộ: Đánh giá nhanh các tác động có thể xảy ra của một dự án.

Đánh giá chi tiết: Đánh giá kỹ lưỡng các tác động của dự án đến môi trường tự nhiên và xã hội.

Các lĩnh vực nghiên cứu điển hình:

Đa dạng sinh học: Nghiên cứu về sự phong phú và phân bố của các loài sinh vật, mối quan hệ giữa các loài và môi trường.

Ô nhiễm môi trường: Nghiên cứu về các chất ô nhiễm trong không khí, nước, đất và các tác động của chúng đến sức khỏe con người và hệ sinh thái.

Biến đổi khí hậu: Nghiên cứu về các nguyên nhân, tác động và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quản lý tài nguyên nước: Nghiên cứu về nguồn nước, chất lượng nước, các vấn đề liên quan đến sử dụng nước và quản lý lưu vực sông.

Quản lý chất thải: Nghiên cứu về các loại chất thải, các phương pháp thu gom, xử lý và tái chế chất thải.

**6. Ý nghĩa của đồ án**

**6.1 Về mặt lý luận**

Ý nghĩa khoa học: Kết quả của Luận văn góp phần xây dựng cơ sở khoa học cho việc:

Đánh giá tình hình phát triển bền vững của tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An

Nghiên cứu hoàn thiện các chỉ tiêu phát triển bền vững cho tài nguyên môi trường tỉnh Nghệ An.

* 1. **Về mặt thực tiễn**

Ý nghĩa thực tiễn: Giúp cho các nhà quản lý hiểu rõ hơn tình hình phát triển bền vững của tỉnh Nghệ An trong bối cảnh biến đổi khí hậu đồng thời bổ sung thêm một công cụ đánh giá tính bền vững của Nghệ An trong quá trình phát triển.

**7. Kết cấu của Đồ án**

Ngoài mở đầu; Kết luận; Danh mục tham khảo và phụ lục, Đồ án được kết thành 3 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước của tài nguyên và môi trường tại Nghệ An

Chương 2: Thực trạng của tài nguyên và môi trường tại Nghệ An

Chương 3: Định hướng và giải pháp nâng cao hiểu quả về tài nguyên và môi trường tại Nghệ An

**B. Nội Dung**

**CHƯƠNG 1 : CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TẠI NGHỆ AN**

**1.1. Các khái niệm liên quan đến đề tài**

*1.1.1.Khái niệm về quản lý*

Quản lý là quá trình tổ chức, điều hành và kiểm soát các nguồn lực (con người, tài chính, vật chất, thông tin) để đạt được các mục tiêu đã đề ra trong một tổ chức, doanh nghiệp hay trong xã hội. Quản lý bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức công việc, chỉ đạo và kiểm soát các hoạt động nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

*1.1.2 Khái niệm về quản lý nhà nước*

Quản lý nhà nước là quá trình mà các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lực của mình để điều hành, kiểm soát và giám sát các hoạt động xã hội, kinh tế, và chính trị trong xã hội. Mục đích của quản lý nhà nước là duy trì trật tự, đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ lợi ích cộng đồng và xây dựng một xã hội công bằng, văn minh

*1.1.3.Khái niệm về tài nguyên và môi trường*

Tài nguyên là khái niệm dùng để chỉ các yếu tố tự nhiên, con người hoặc các nguồn lực khác mà con người có thể khai thác, sử dụng để phục vụ cho cuộc sống, sản xuất, và phát triển kinh tế - xã hội. Tài nguyên có thể tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, được phân loại dựa trên nguồn gốc, khả năng tái tạo, và cách sử dụng

*1.1.4.Khái niệm quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường*

Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của Nhà nước nhằm sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đảm bảo sự phát triển bền vững

**1.2. Chủ thể, nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường**

*1.2.1.Chủ thể*

*-* Chủ thể quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường là các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền trong việc xây dựng, triển khai và giám sát các chính sách, pháp luật liên quan đến tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Các chủ thể này đảm bảo sự quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên và môi trường trong khuôn khổ của pháp luật.

**+ Chính phủ**

Chính phủ là cơ quan cao nhất có thẩm quyền trong việc quản lý tài nguyên và môi trường ở cấp quốc gia. Chính phủ chịu trách nhiệm xây dựng các chiến lược, kế hoạch phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường, ban hành các quyết định, chính sách và chỉ đạo các bộ ngành thực hiện.

***+* Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT*)***

Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Bộ TN&MT có trách nhiệm tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch liên quan đến tài nguyên thiên nhiên (như đất đai, nước, khoáng sản, rừng, sinh vật) và bảo vệ môi trường. Bộ này cũng có thẩm quyền trong việc cấp phép, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

***+* Các Bộ, ngành liên quan**

Các bộ, ngành khác có vai trò quan trọng trong việc phối hợp và thực hiện các chính sách liên quan đến tài nguyên và môi trường trong phạm vi lĩnh vực của mình.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm quản lý tài nguyên rừng, bảo vệ đất đai nông nghiệp, và các vấn đề liên quan đến thủy sản.

Bộ Công Thương quản lý khai thác khoáng sản, năng lượng và các vấn đề liên quan đến công nghiệp.

Bộ Giao thông Vận tải liên quan đến các vấn đề tác động đến môi trường từ các dự án giao thông, cơ sở hạ tầng.

Ủy ban nhân dân các cấp (Tỉnh, Thành phố, Quận, Huyện)

Chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc triển khai các chính sách, chương trình về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường ở cấp cơ sở. Các Sở Tài nguyên và Môi trường ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ cụ thể, như cấp phép, giám sát các hoạt động khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, xử lý vi phạm và tham mưu cho UBND các cấp.

Cơ quan thanh tra và kiểm tra môi trường, Thanh tra Chính phủ và Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan có thẩm quyền trong việc thanh tra, kiểm tra các hoạt động liên quan đến bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Các cơ quan kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và giám sát chất lượng môi trường có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân.

***+* Các tổ chức, đoàn thể và cộng đồng**

- Các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và các tổ chức phi chính phủ cũng là chủ thể tham gia vào quá trình quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Các tổ chức này tham gia giám sát, bảo vệ quyền lợi của cộng đồng, nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

**+ Cơ quan tư pháp**

Các cơ quan tòa án và cơ quan công tố có thẩm quyền xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, đặc biệt là các vụ án về môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

- Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường là một quá trình phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức nhà nước từ Trung ương đến địa phương, với sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội. Các chủ thể này cùng nhau xây dựng, thực thi và giám sát các chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo sự phát triển bền vững và cải thiện chất lượng môi trường.​

**1.2.2 Nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường**

- Thứ nhất: Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường

+ Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật là nhiệm vụ quan trọng của cơ quan quản lý môi trường. Các văn bản này bao gồm luật, nghị định, thông tư hướng dẫn và các quy định liên quan, tạo hành lang pháp lý để kiểm soát và bảo vệ môi trường. Song song với đó, việc xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường đóng vai trò là công cụ kỹ thuật nhằm đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của con người không vượt quá ngưỡng gây hại cho môi trường tự nhiên.

+ Quá trình thực hiện đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý, tổ chức xã hội và doanh nghiệp để đảm bảo tính khả thi, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, việc cập nhật các văn bản pháp luật và tiêu chuẩn môi trường cần phù hợp với thực tế quốc gia và xu hướng quốc tế, nhằm xử lý hiệu quả các vấn đề như ô nhiễm không khí, nguồn nước, đất đai, cũng như giảm thiểu phát thải khí nhà kính

+ Việc thực thi các văn bản này còn phải đi đôi với công tác phổ biến pháp luật, đảm bảo rằng mọi tổ chức, cá nhân đều nắm vững và tuân thủ. Điều này không chỉ giúp tăng cường ý thức trách nhiệm của cộng đồng mà còn xây dựng một môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

-Thứ hai: Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, rủi ro môi trường

+ Chiến lược và chính sách bảo vệ môi trường là kim chỉ nam để các cấp, ngành và tổ chức xã hội triển khai công tác bảo vệ môi trường một cách đồng bộ, lâu dài. Một chiến lược hiệu quả phải dựa trên đánh giá toàn diện về hiện trạng môi trường, từ đó xác định các mục tiêu cụ thể, khả thi. Chính sách bảo vệ môi trường thường bao gồm các quy định về quản lý nguồn tài nguyên, hạn chế phát thải, phát triển năng lượng tái tạo, thúc đẩy sản xuất sạch và tiêu dùng bền vững

+ Kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái và ô nhiễm môi trường cần chú trọng đến các hoạt động cụ thể như kiểm soát chất thải, cải tạo đất bị ô nhiễm, bảo vệ đa dạng sinh học, và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, chính sách cần bao gồm việc xây dựng các cơ chế khuyến khích (như miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính) để thúc đẩy doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.

+ Để đạt hiệu quả cao, việc thực hiện chiến lược và chính sách phải được lồng ghép vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp. Hơn nữa, cần theo dõi, đánh giá định kỳ để điều chỉnh kịp thời, nhằm thích nghi với những thay đổi về môi trường và kinh tế.

-Thứ ba: Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường

+ Hệ thống quan trắc môi trường đóng vai trò như một “tai mắt” của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin liên tục và chính xác về hiện trạng môi trường. Việc tổ chức và quản lý hệ thống này đòi hỏi sự đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại, cũng như nhân lực chuyên môn cao. Hệ thống quan trắc bao gồm các trạm đo lường chất lượng không khí, nước, đất, và các yếu tố môi trường khác tại các khu vực trọng điểm như khu công nghiệp, đô thị lớn, hay các khu vực nhạy cảm về sinh thái.

+ Bên cạnh đó, việc định kỳ đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường giúp phát hiện sớm các vấn đề như suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, hay mất cân bằng sinh thái, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục kịp thời. Kết quả quan trắc và đánh giá không chỉ là cơ sở để hoạch định chính sách mà còn hỗ trợ trong công tác giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng.

+ Việc xây dựng hệ thống quan trắc đòi hỏi sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu khoa học và các tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính toàn diện và chính xác của dữ liệu. Đồng thời, cần ứng dụng công nghệ hiện đại, như cảm biến từ xa và trí tuệ nhân tạo, để nâng cao hiệu quả quan trắc và phân tích

-Thứ tư: Giảm sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường

+ Thông qua hoạt động này, các cơ quan chức năng có thể phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm như xả thải không qua xử lý, khai thác tài nguyên trái phép, hoặc không thực hiện cam kết bảo vệ môi trường

+ Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến môi trường đòi hỏi sự công tâm và minh bạch. Các tranh chấp này thường phát sinh từ xung đột lợi ích giữa các cá nhân, doanh nghiệp và cộng đồng, đặc biệt trong các lĩnh vực như sử dụng tài nguyên đất, nguồn nước hoặc ô nhiễm từ các hoạt động sản xuất. Quy trình giải quyết cần dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng và có sự tham gia của các bên liên quan nhằm đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mọi đối tượng

+ Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý là nền tảng để nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường. Lực lượng cán bộ cần được trang bị kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành tốt và thái độ làm việc chuyên nghiệp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong quản lý môi trường. Các chương trình đào tạo phải được thiết kế phù hợp với từng đối tượng, từ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, đến các nhà hoạch định chính sách, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong toàn hệ thống.

+ Bên cạnh đó, giáo dục, tuyên truyền và phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ môi trường đến cộng đồng là một nhiệm vụ không kém phần quan trọng. Điều này giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của từng cá nhân và tổ chức trong việc bảo vệ môi trường sống. Các chương trình tuyên truyền cần được thực hiện đa dạng, từ các chiến dịch truyền thông qua báo chí, truyền hình, mạng xã hội đến các buổi hội thảo, tọa đàm, hoặc tích hợp vào chương trình giáo dục tại các cấp học.

+ Ngoài ra, việc khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ môi trường, như trồng cây, thu gom rác thải, hay giám sát các hành vi vi phạm, sẽ tạo nên một phong trào bảo vệ môi trường sâu rộng, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

+ Đồng thời, xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường phải nghiêm minh để tạo tính răn đe. Các hình thức xử lý bao gồm phạt hành chính, buộc khắc phục hậu quả, đình chỉ hoạt động hoặc thậm chí truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi nghiêm trọng. Ngoài ra, việc công khai thông tin về các vi phạm và kết quả xử lý trên các phương tiện truyền thông cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng đối với môi trường.

-Thứ năm: Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý tài nguyên và môi trường, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường

-Thứ sáu:Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các vấn đề môi trường không còn là vấn đề riêng của một quốc gia mà đã trở thành thách thức chung của toàn cầu. Vì vậy, hợp tác quốc tế là yếu tố then chốt để giải quyết các vấn đề môi trường một cách hiệu quả. Các hoạt động hợp tác này bao gồm chia sẻ kiến thức, công nghệ, nguồn lực tài chính, cũng như cùng tham gia các sáng kiến, hiệp định quốc tế về môi trường như Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu hay Công ước Đa dạng Sinh học.

+ Hợp tác quốc tế không chỉ giúp Việt Nam tiếp cận với những kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển mà còn tạo điều kiện để nước ta đóng góp tích cực vào các vấn đề môi trường toàn cầu. Các dự án hợp tác trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, quản lý rác thải nhựa, hay bảo tồn đa dạng sinh học đều mang lại những lợi ích thiết thực, vừa cải thiện môi trường trong nước, vừa nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

+ Ngoài ra, Việt Nam cần đẩy mạnh việc tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế như UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc) hoặc ASEAN về môi trường để nâng cao năng lực quản lý và thúc đẩy sự liên kết khu vực trong bảo vệ tài nguyên và môi trường.​

**1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường**

**1.3.1. Thể chế (Công tác lãnh đạo, chỉ đạo; Tổ chức bộ máy…)**

**-**Thể chế công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức bộ máy là một phần quan trọng trong quản lý hành chính nhà nước, giúp xây dựng một hệ thống tổ chức và hoạt động hiệu quả, nhằm thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Nhà nước. Các yếu tố cơ bản của thể chế hiện này bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức: Thể chế công tác lãnh đạo, chỉ đạo yêu cầu xác định rõ ràng cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương, bảo đảm sự phân công, phân nhiệm hợp lý giữa các cơ quan, đơn vị. Việc xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các cấp lãnh đạo giúp tránh tình trạng chồng chéo, lãng phí tài nguyên.

- Quy trình lãnh đạo, chỉ đạo: Thể chế này cũng quy định các quy trình lãnh đạo, chỉ đạo trong việc điều hành công việc của các cơ quan, tổ chức. Các quyết định phải được đưa ra một cách có hệ thống, đồng thời có sự giám sát, đánh giá, điều chỉnh khi cần thiết.

- Sự phối hợp giữa các cấp, ngành: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, ngành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các cơ quan phải hợp tác và trao đổi thông tin kịp thời để đảm bảo sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành.

- Đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm: Thể chế lãnh đạo, chỉ đạo còn bao gồm việc đảm bảo tính minh bạch trong các quyết định của lãnh đạo và trách nhiệm giải trình của các cá nhân, tổ chức trong bộ máy nhà nước.

- Đánh giá, kiểm tra và giám sát: Các cơ quan lãnh đạo cần thiết lập các cơ chế đánh giá kết quả công việc, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ, từ đó có biện pháp điều chỉnh kịp thời và hiệu quả.

- Cải cách hành chính: Thể chế công tác lãnh đạo, chỉ đạo không thể thiếu các yêu cầu về cải cách hành chính, nhằm đơn giản hóa thủ tục, nâng cao hiệu quả công việc của bộ máy nhà nước.

- Thể chế công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức bộ máy phải đảm bảo sự đồng bộ, hợp lý và linh hoạt, tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước hoạt động hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm.

**1.3.2. Chất lượng nguồn nhân lực**

- Hiện nay, số công chức của ngành môi trường ở cấp Trung ương có trên 300 người, trong đó công chức công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Tổng cục Môi trường là 222 người; số còn lại là công chức làm việc trong các đơn vị của Bộ TN&MT và các Bộ, ngành liên quan đến môi trường.

- Bên cạnh đó, số công chức làm công tác quản lý môi trường ở cấp tỉnh trên cả nước hiện có 1.448 người, cấp huyện trên 1.300 người và cấp xã trên 11.000 người làm công tác địa chính, xây dựng và môi trường (chưa có công chức chuyên trách về quản lý môi trường).

- Trên thực tế, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về BVMT ở Việt Nam vẫn còn thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhất là ở các địa phương, cơ sở. Hiện chỉ có khoảng 29 người làm công tác quản lý nhà nước về môi trường trên 1 triệu dân; trong khi con số này ở Trung Quốc là 40 người, Thái Lan là 42 người, Campuchia là 55 người, Malaixia là 100 người, Singapo là 350 người, Canađa là 155 người, Anh là 204 người. Phần lớn, cán bộ quản lý môi trường cấp huyện không có bằng cấp chuyên môn về môi trường, hầu hết được phân công, tuyển dụng, điều chuyển thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường trong một vài năm gần đây, nên trình độ năng lực và kinh nghiệm quản lý còn hạn chế. Các cán bộ này lại không được tập huấn, nâng cao trình độ thường xuyên trong lĩnh vực BVMT nên việc nắm bắt và hiểu các văn bản quy phạm pháp luật còn chưa đúng và đầy đủ, gây khó han trong thi hành, áp dụng hoặc không nhất quán trong hướng dẫn, giải quyết. Đối với cấp xã, phường và thị trấn, cán bộ môi trường thường là cán bộ địa chính kiêm nhiệm, do đó trình độ chuyên môn về môi trường rất hạn chế, việc thực hiện trách nhiệm về BVMT chưa được chú trọng.

- Nhìn chung, nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về BVMT hiện nay còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Ở Trung ương, một số lĩnh vực còn thiếu đội ngũ công chức, viên chức có trình độ cao, chuyên môn sâu. Đối với địa phương, đội ngũ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ BVMT, đặc biệt trong các lĩnh vực đánh giá tác động môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, kinh tế môi trường… đang thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ bố trí chưa hợp lý, phần lớn số công chức, viên chức được đào tạo về các chuyên ngành kỹ thuật, thiếu kỹ năng quản lý. Đội ngũ công chức, viên chức chưa được chuyên nghiệp, chuẩn hóa, hiện đại hóa. Do vậy, cần phải có những giải pháp để đào tạo và phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước ngành môi trường trong giai đoạn hiện nay

***+ Phát triển nguồn nhân lực quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường***

**+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và kiện toàn đội ngũ cán bộ**

**+ Đánh giá và xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng**

**+ Đổi mới công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức thực hiện hoạch**

**+ Xác định đối tượng đào tạo, bồi dưỡng**

**+ Xây dựng và lựa chọn hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp**

**+ Tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên**

**+ Xây dựng các chế độ, chính sách đãi ngộ trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

**+ Chuẩn bị tốt nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức**

**1.3.4 .Công nghệ thông tin**

- Công nghệ thông tin (CNTT) quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường (TN&MT) đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, minh bạch và hiện đại hóa công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Việc áp dụng CNTT giúp các cơ quan chức năng thu thập, xử lý, phân tích và lưu trữ dữ liệu về TN&MT một cách chính xác và kịp thời, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, đánh giá và đưa ra quyết định.

*+ Hệ thống thông tin về tài nguyên và môi trường*

Một trong những ứng dụng quan trọng của CNTT trong quản lý nhà nước về TN&MT là việc xây dựng các hệ thống thông tin chuyên ngành. Các hệ thống này bao gồm các cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ quản lý các loại tài nguyên, môi trường và các vấn đề liên quan.

Cơ sở dữ liệu tài nguyên: Bao gồm thông tin về đất đai, nước, khoáng sản, rừng, động thực vật, khí hậu, v.v. Các cơ sở dữ liệu này giúp các cơ quan chức năng dễ dàng theo dõi và quản lý tình trạng sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Cơ sở dữ liệu môi trường: Đưa ra các thông tin về chất lượng môi trường, bao gồm không khí, nước, đất, chất thải, ô nhiễm, biến đổi khí hậu, và các yếu tố môi trường khác. Các thông tin này giúp hỗ trợ quá trình ra quyết định về bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường.

*+ Ứng dụng GIS (Hệ thống thông tin địa lý)*

GIS là một công cụ mạnh mẽ trong việc quản lý tài nguyên và môi trường. Nó cho phép thu thập, phân tích và hiển thị các dữ liệu không gian liên quan đến tài nguyên và môi trường.

Quản lý đất đai: GIS giúp xác định và quản lý diện tích đất, sử dụng đất, và biến động về tài nguyên đất đai, hỗ trợ trong việc cấp phép, điều chỉnh quy hoạch và giải quyết tranh chấp.

Giám sát môi trường: GIS có thể được sử dụng để theo dõi các yếu tố môi trường như ô nhiễm không khí, nguồn nước, và rừng, từ đó cung cấp thông tin quan trọng cho các quyết định quản lý môi trường.

Ứng phó với thiên tai: GIS hỗ trợ trong việc đánh giá tác động của thiên tai, như lũ lụt, động đất, và bão, từ đó giúp các cơ quan chức năng có phương án ứng phó kịp thời.

*+ Hệ thống thông tin quản lý tài nguyên nước* (WRIS)

CNTT cũng được áp dụng để xây dựng các hệ thống quản lý tài nguyên nước, giúp theo dõi và quản lý các nguồn tài nguyên nước như sông, hồ, suối, nước ngầm, v.v. Các hệ thống này có thể bao gồm:

Giám sát chất lượng nước: Các công cụ CNTT giúp theo dõi và phân tích chất lượng nước từ các nguồn cung cấp nước, hỗ trợ việc phát hiện sớm các vấn đề ô nhiễm và cải thiện chất lượng nước.

Quản lý nguồn nước: Các phần mềm hỗ trợ tính toán và phân bổ nguồn nước, đảm bảo việc sử dụng nước hợp lý và bền vững.

*+ Hệ thống cảnh báo sớm và giám sát ô nhiễm*

Công nghệ thông tin giúp xây dựng các hệ thống giám sát ô nhiễm và cảnh báo sớm các vấn đề môi trường, chẳng hạn như:

Hệ thống giám sát ô nhiễm không khí và nước: Các cảm biến và công nghệ truyền thông giúp giám sát chất lượng không khí, nguồn nước trong thời gian thực, và cảnh báo nếu có mức ô nhiễm vượt quá ngưỡng cho phép.

Cảnh báo sớm về biến đổi khí hậu: Các công nghệ mô hình hóa và dự báo giúp đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với các tài nguyên thiên nhiên và đưa ra các cảnh báo kịp thời.

*+ Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến*

Việc ứng dụng CNTT trong chính phủ điện tử giúp cải cách hành chính và nâng cao tính minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về TN&MT. Một số ứng dụng bao gồm:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Các dịch vụ cấp phép về tài nguyên, bảo vệ môi trường, và kiểm soát ô nhiễm có thể được thực hiện trực tuyến, giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường sự tiện lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Giám sát và đánh giá công tác quản lý: Các hệ thống thông tin cho phép theo dõi và đánh giá kết quả thực hiện các chính sách và chương trình về TN&MT, từ đó đưa ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời.

*+Big Data và phân tích dữ liệu*

CNTT cũng hỗ trợ trong việc thu thập và phân tích các dữ liệu lớn (Big Data) về tài nguyên và môi trường, giúp đưa ra các dự báo và giải pháp quản lý hiệu quả hơn. Ví dụ:

Phân tích dữ liệu khí tượng, thủy văn: Dữ liệu khí tượng và thủy văn lớn có thể giúp dự báo các hiện tượng thời tiết cực đoan và đưa ra kế hoạch ứng phó.

Dự báo tình trạng ô nhiễm: Sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để dự báo các xu hướng ô nhiễm và đưa ra các giải pháp giảm thiểu.

*+ Hợp tác quốc tế và chia sẻ thông tin*

đẩy sự hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. Các hệ thống thông tin quốc tế về khí hậu, tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm giúp các quốc gia chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm, phối hợp ứng phó với các vấn đề xuyên quốc gia như biến đổi khí hậu, quản lý lưu vực sông xuyên biên giới.

-Công nghệ thông tin đóng một vai trò quan trọng trong việc quản lý tài nguyên và môi trường, giúp tăng cường hiệu quả, minh bạch và bền vững trong công tác quản lý nhà nước. Các hệ thống thông tin, GIS, các dịch vụ công trực tuyến, và phân tích dữ liệu lớn giúp các cơ quan quản lý nhanh chóng nắm bắt tình hình, ra quyết định chính xác và ứng phó kịp thời với các thách thức về tài nguyên và môi trường.

**CHƯƠNG 2 : TÌNH HÌNH CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TẠI NGHỆ AN**

**2.1 Khái quát tài nguyên môi trường ở Nghệ An**

Nghệ An là một tỉnh miền Trung với địa hình đa dạng, từ đồng bằng ven biển đến núi non trùng điệp, mang trong mình một hệ sinh thái phong phú và đa dạng. Tuy nhiên, cũng như nhiều tỉnh thành khác ở Việt Nam, Nghệ An đang đối mặt với những thách thức về bảo vệ và khai thác bền vững tài nguyên môi trường.Tài nguyên thiên nhiên: Rừng Nghệ An sở hữu diện tích rừng khá lớn, đa phần là rừng tự nhiên. Rừng không chỉ cung cấp gỗ, tre, nứa mà còn là lá phổi xanh, bảo vệ nguồn nước, đa dạng sinh học và có vai trò quan trọng trong việc điều hòa khí hậu. Khoáng sản: Tỉnh có nhiều loại khoáng sản như vàng, đá quý, than đá, sét... Tuy nhiên, việc khai thác cần được quản lý chặt chẽ để tránh gây ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Biển: Đường bờ biển dài cùng với các đảo ven bờ là tiềm năng lớn cho phát triển kinh tế biển, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, biển cũng đối mặt với các vấn đề như ô nhiễm, xói lở bờ biển. Đất: Đất phù sa màu mỡ ở đồng bằng ven biển rất thích hợp cho nông nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng phân bón hóa học quá mức, canh tác không bền vững đang làm giảm chất lượng đất. Nước: Hệ thống sông ngòi dày đặc cung cấp nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm nguồn nước do chất thải sinh hoạt và công nghiệp đang là vấn đề đáng lo ngại. Môi trường không khí: Chất lượng không khí ở các khu vực đô thị và công nghiệp có xu hướng giảm sút do khí thải từ các phương tiện giao thông, nhà máy. Nước: Như đã đề cập, nguồn nước mặt và nước ngầm đang bị ô nhiễm bởi các hoạt động sản xuất, sinh hoạt. Đất: Ô nhiễm đất do chất thải công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt. Rừng: Tình trạng phá rừng, khai thác gỗ trái phép làm giảm diện tích rừng và đa dạng sinh học.

**2.2 Tình hình quản lý nhà nước về hoạt động quản lý về tài nguyên môi trường ở Nghệ An**

Ở Nghệ An, với tiềm năng kinh tế lớn và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh chóng, đang đối diện với những thách thức đáng kể về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.Thực trạng hoạt động quản lý tài nguyên môi trường ở Nghệ An. Nghệ An, với tiềm năng kinh tế lớn và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh chóng, đang đối diện với những thách thức đáng kể về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Dưới đây là một số thực trạng nổi bật: Vấn đề nổi bật Áp lực dân số và đô thị hóa: Tăng dân số và quá trình đô thị hóa nhanh chóng dẫn đến nhu cầu về đất đai, nước sạch và năng lượng tăng cao, gây áp lực lớn lên tài nguyên thiên nhiên. Khai thác tài nguyên không bền vững: Việc khai thác tài nguyên khoáng sản, rừng và thủy sản chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường. Ô nhiễm môi trường: Ô nhiễm nguồn nước: Các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt thải ra lượng lớn chất thải chưa qua xử lý, gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm. Ô nhiễm không khí: Khói bụi từ các nhà máy, phương tiện giao thông và hoạt động đốt rác thải gây ô nhiễm không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Ô nhiễm đất: Sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật quá mức và chất thải công nghiệp gây ô nhiễm đất, làm giảm năng suất đất nông nghiệp. Biến đổi khí hậu: Nghệ An chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, với các hiện tượng cực đoan như hạn hán, lũ lụt ngày càng gia tăng, gây ra thiệt hại lớn về kinh tế và xã hội. Ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế: Một bộ phận người dân chưa có ý thức đầy đủ về bảo vệ môi trường, dẫn đến các hành vi xả rác bừa bãi, khai thác tài nguyên trái phép. Khung pháp lý chưa hoàn thiện. Mặc dù đã có nhiều quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, nhưng việc thực thi còn nhiều hạn chế, chưa đủ mạnh để răn đe các hành vi vi phạm. Năng lực quản lý còn yếu: Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường còn thiếu nguồn lực, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Áp lực phát triển kinh tế: Việc ưu tiên phát triển kinh tế đôi khi dẫn đến việc lơ là các vấn đề môi trường. Ý thức của cộng đồng còn hạn chế: Người dân chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về bảo vệ môi trường, dẫn đến hành vi thiếu ý thức.

ở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An, được thành lập theo Quyết định số 2089/QĐ-UB ngày 12/6/2003 của UBND tỉnh, có chức năng tham mưu cho UBND tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, bao gồm đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ, quản lý tổng hợp biển và hải đảo.

Trong thời gian qua, Sở đã tích cực triển khai các hoạt động nhằm tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Mới đây, UBND tỉnh Nghệ An đã có Công văn số 7659/UBND-NN ngày 9/9/2024, giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khẩn trương rà soát, triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận số 81-KL/TW ngày 4/6/2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

**2.2.1 Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường**

Việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường, đồng thời ban hành hệ thống môi trường là một trong những hoạt động trọng tâm để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Các văn bản pháp luật ở Nghệ An cần đảm bảo tuân thủ các cam kết. Bảo vệ sức khỏe con người, Môi trường sống bị ô nhiễm sẽ gây ra nhiều bệnh tật cho con người. Bảo vệ đa dạng sinh học, Môi trường bị ô nhiễm sẽ làm giảm đa dạng sinh học, ảnh Phát triển bền vững: Bảo vệ môi trường là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước. Luật bảo vệ môi trường, Đây là văn bản pháp luật cơ bản và quan trọng nhất, quy định các nguyên tắc, chính sách, biện pháp bảo vệ môi trường. Ngày 17/11/2020, Quốc Hội ban hành Luật số 72/2020/QH14 (Luật Bảo vệ môi trường 2020) kỳ họp thứ 10 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 (trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 170 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2021). Luật Bảo vệ môi trường 2020 với nhiều quy định nhằm cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính (TTHC), góp phần giảm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp thông qua các quy định: thu hẹp đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM); tích hợp các TTHC vào 01 giấy phép môi trường (GPMT); đồng bộ các công cụ quản lý môi trường theo từng giai đoạn của dự án, bắt đầu từ khâu xem xét chủ trương đầu tư, thẩm định dự án, thực hiện dự án cho đến khi dự án đi vào vận hành chính thức và kết thúc dự án. Luật cũng đã thiết kế khung chính sách hướng đến việc hình thành đạo luật về BVMT có tính tổng thể, toàn diện và hài hòa với hệ thống pháp luật về kinh tế-xã hội. Tính đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có bất kỳ thông tin, văn bản hoặc dự thảo nào về việc ban hành Luật bảo vệ môi trường mới nhất để thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường 2020. Đây là văn bản pháp luật cơ bản và quan trọng nhất, quy định các nguyên tắc, chính sách, biện pháp bảo vệ môi trường. phân vùng môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, nông thôn và một số lĩnh vực; quản lý chất thải; trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; quan trắc môi trường; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường; công cụ kinh tế và nguồn lực bảo vệ môi trường; quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra và cung cấp dịch vụ công trực tuyến về bảo vệ môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường dự kiến ban hành các quy chuẩn quốc gia về môi trường như, Quy chuẩn về phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất, khí thải công nghiệp, Quy chuẩn về nước thải chăn nuôi, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối đối với khí thải phương tiện ô tô đang lưu hành, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy trong nguyên, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; độ rung; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bãi chôn lấp chất thải rắn; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về giới hạn các chất ô nhiễm khó phân hủy trong nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị (dự kiến lựa chọn trong một số ngành/lĩnh vực: Nhựa, điện - điện tử, dệt may, bọt chống cháy, sơn, xi mạ, cao su, giấy/bao bì thực phẩm, vật liệu cách nhiệt...).Bên cạnh đó, Bộ sẽ tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đến các tổ chức, cá nhân tổ chức thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường; Trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; đôn đốc, hướng dẫn địa phương ban hành các văn bản, quy định nhằm hướng, quy định chi tiết và tổ chức thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định chi tiết thi hành; Tổ chức theo dõi thi hành pháp luật; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Đồng thời, Bộ sẽ triển khai thực hiện các biện pháp phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải. Trình cơ quan có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải; Theo dõi, tổng hợp, báo cáo, kiểm tra, đôn đốc địa phương ban hành quy định thuộc thẩm quyền để thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, xử lý rác thải, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chôn lấp rác thải.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường. Hệ thống tiêu chuẩn môi trường cung cấp các yêu cầu cụ thể về chất lượng môi trường, các quy trình sản xuất, dịch vụ thân thiện với môi trường. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn này giúp các doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường. Các hoạt động chính để tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật và tiêu chuẩn môi trường. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật: Cần tăng cường tuyên truyền để mọi người hiểu rõ về các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.Kiểm tra, giám sát: Các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường.Xử lý vi phạm: Đối với các hành vi vi phạm pháp luật, cần có biện pháp xử lý nghiêm. Hỗ trợ doanh nghiệp: Nhà nước cần tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, như cung cấp thông tin, hỗ trợ tài Xây dựng cơ sở dữ liệu: Cần xây dựng một cơ sở dữ liệu thống nhất về môi trường để phục vụ công tác quản lý và giám sát.

**2.2.2 Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường, kế hoạch phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường ô nhiễm môi trường, rủi ro môi trường**

2.2.2.1 *Quy định chính sách bảo vệ môi trường*

Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường. Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư. Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường. Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môitrường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường*.*Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhâncó đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư. Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.2.2 *Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết*

Tình hình hiện tại, đánh giá tình trạng môi trường, xác định các vấn đề môi trường cấp bách. Xác định các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm. Ứng dụng công nghệ sạch, quản lý chất thải hiệu quả, xử lý nước thải. Bảo vệ đa dạng sinh học và thành lập các khu bảo tồn, phục hồi hệ sinh thái. Ứng phó với biến đổi khí hậu làm giảm phát thải khí nhà kính, nâng cao khả năng thích ứng,xây dựng nền kinh tế xanh khuyến khích đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường cần Nâng cao nhận thức Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục môi trường. Lập kế hoạch thực hiện các hoạt động cụ thể, nguồn lực cần thiết, thời gian thực hiện, người phụ trách. Xây dựng cơ chế phối hợp Giữa các cấp chính quyền tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp hành động. Giữa các bộ, ngành Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành. Giữa chính quyền và doanh nghiệp Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Giữa chính quyền và người dân: Tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến của người dân. Xây dựng chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo vệ môi trường là một quá trình lâu dài và đòi hỏi sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị. Việc xây dựng một hệ thống chỉ đạo hiệu quả sẽ góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

**2.2.3 Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc, định kỳ đánh giá hiện trạng tài nguyên và môi trường**

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 1993, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (trước đây) đã xây dựng và đưa vào hoạt động mạng lưới trạm quan trắc môi trường quốc gia. Các trạm quan trắc môi trường quốc gia được xây dựng trên cơ sở phối hợp giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (trước đây) với các cơ quan nghiên cứu, phòng thí nghiệm đang hoạt động của các Bộ, ngành và địa phương gồm Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và tỉnh Lào Cai. Tại thời điểm đó, đây là biện pháp hiệu quả và kịp thời, tận dụng được cơ sở vật chất về trang thiết bị cũng như nguồn nhân lực sẵn có của các cơ quan này. Tính đến năm 2002, mạng lưới đã có 21 trạm được thành lập, tiến hành quan trắc các thành phần môi trường như: nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước mưa, nước biển, đất, phóng xạ, không khí xung quanh và tiếng ồn, chất thải rắn, môi trường lao động, y tế và công nghiệp,... tại hàng nghìn điểm quan trắc trên toàn quốc với tần suất khoảng từ 2 đến 6 lần/năm. Sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường được thành lập năm 2002, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 về “Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” và Nhà nước cho ra đời Luật Bảo vệ môi trường năm 2005. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2007 về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020”.

***2.2.4 Giảm sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường***

*2.2.4.1. Giảm sát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường*

Theo Điều 160 của Luật Bảo vệ Môi trường, trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường quy định: Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng. Trong khi, Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc bí mật nhà nước về an ninh; chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Về trách nhiệm của UBND các cấp, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn; chỉ đạo việc tham gia phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các trường hợp do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;  
- Chủ tịch UBND cấp huyện tổ chức kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trên địa bàn; chỉ đạo việc tham gia phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.  
- Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân và đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận đăng ký môi trường trên địa bàn; chỉ đạo việc tham gia phối hợp kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với các trường hợp do Chủ tịch UBND huyện tổ chức hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

*2.2.4.2. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ môi trường*

- Điều 162. Tranh chấp về môi trường

1. Nội dung tranh chấp về môi trường bao gồm:

a) Tranh chấp về quyền, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng thành phần môi trường;

b) Tranh chấp về xác định nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;

c) Tranh chấp về trách nhiệm xử lý, khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại về môi trường.

2. Việc giải quyết tranh chấp về môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại về môi trường được thực hiện theo Điều 133 của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thời điểm để tính thời hiệu khởi kiện về môi trường là ngày tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.

4. Tranh chấp về môi trường trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà một hoặc các bên là tổ chức, cá nhân nước ngoài được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Khiếu nại, tố cáo về môi trường quy định thế nào?

Theo Điều 163 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về khiếu nại, tố cáo về môi trường như sau:

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.

Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại về hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Cá nhân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.

*2.2.4.3. Xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường*

Các hình thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

- Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường:

Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có thể bị phạt:

+ Cảnh cáo;

+ Phạt tiền tối đa 01 tỷ đồng (đối với cá nhân) và 02 tỷ đồng (đối với tổ chức).

Bên cạnh đó, tùy từng hành vi vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, bao gồm:

+ Tước quyền sử dụng có thời hạn đối với giấy phép môi trường, giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, giấy phép tiếp cận nguồn gen; giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; quyết định công nhận phòng thí nghiệm nghiên cứu sinh vật biến đổi gen; quyết định công nhận cơ sở khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen; đình chỉ hoạt động có thời hạn;

+ Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật;

+ Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép môi trường có thời hạn đối với cơ sở hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công được Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng/đấu thầu.

- Xử lý hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường ở mức độ nặng hơn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các tội phạm tương ứng. Cụ thể, Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã dành riêng Chương XIX để quy định về các tội phạm môi trường gồm các tội danh:

+ Tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235);

+Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236);

+ Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237);

+ Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238);

+ Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239);

+ Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242);

+ Tội hủy hoại rừng (Điều 243);

+ Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm (Điều 244);

Đồng thời, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị áp dụng một/nhiều biện pháp khắc phục hậu quả như:

+ Buộc phải khôi phục lại tình trạng/trạng thái môi trường ban đầu/phục hồi môi trường;

+ Buộc phá dỡ công trình, thiết bị được xây lắp trái quy định để xả chất thải không qua xử lý ra môi trường; buộc phải phá dỡ công trình, thiết bị để pha loãng chất thải và phải xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; buộc phá dỡ, di dời công trình, cây trồng; buộc phá dỡ công trình, nhà ở trái phép;

+ Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn kỹ thuật; buộc phải thực hiện biện pháp giảm thiểu độ rung đạt quy chuẩn kỹ thuật;

+ Buộc tái xuất máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chất thải nhập khẩu từ nước ngoài; buộc tái xuất toàn bộ loài ngoại lai xâm hại nhập khẩu trái phép ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam…

+ Buộc tiêu hủy máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, tàu biển đã qua sử dụng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chất thải nhập khẩu từ nước ngoài; buộc tiêu hủy toàn bộ loài ngoại lai xâm hại; tiêu hủy toàn bộ sinh vật biến đổi gen chưa được cấp giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen hoặc giấy chứng nhận an toàn sinh học…

***2.2.5 Đào tạo cán bộ khoa học và quản lý tài nguyên và môi trường, giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường***

Năm 1987, tại Hội nghị về môi trường ở Moscow do UNEP và UNESCO đồng tổ chức, đã đưa ra kết luận: “Giáo dục môi trường  là  một  phương  tiện  không  thể thiếu để giúp mọi người hiểu biết về môi trường”. Những thông tin, kiến thức về môi trường được tích lũy trong mỗi cá nhân sẽ nuôi dưỡng và nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm về bảo vệ môi trường của chính họ, những hành động dù nhỏ nhưng tích cực cũng sẽ góp phần tạo nên những thay đổi lớn tốt đẹp hơn cho môi trường.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh có tới 70% các dòng sông, 45% vùng ngập nước, 40% các bãi biển đã bị ô nhiễm, hủy hoại về môi trường; 70% các làng nghề ở nông thôn đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng. Cùng với đó, tình trạng nước biển xâm nhập vào đất liền; đất trống, đồi núi trọc và sự suy thoái các nguồn gien động thực vật đang có chiều hướng gia tăng là hệ quả của việc hủy hoại môi trường. Để khắc phục những hậu quả trên phải cần một thời gian dài, liên tục, tốn kém nhiều công sức và tiền của.

Chính phủ Việt Nam đã nhận định, không có giải pháp nào kinh tế và hiệu quả bằng việc đầu tư vào con người thông qua công tác giáo dục môi trường. Bảo vệ môi trường nên bắt đầu bằng việc giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, nhất là cho học sinh, sinh viên. Do đó, ngay từ năm 2001, Thủ tướng Chính phủ  đã ra Quyết định số 1363/QĐ-TTg phê duyệt Đï án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân”. Trong đó, chỉ rõ nội dung giáo dục bảo vệ môi trường phải bảo đảm tính giáo dục toàn diện. Bên cạnh đó, các định hướng chính sách về giáo dục cũng được đưa vào Nghị  quyết  số  41-NQ/TW  của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 2/12/2003 của Thủ tướng về Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày  17/8/2004  của  Thủ  tướng  ban hành “Định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam”… Luật Bảo vệ môi trường còn nêu rõ: Công dân Việt Nam được giáo dục toàn diện về môi trường nhằm nâng cao  hiểu  biết  và  ý  thức  bảo  vệ  môi trường; giáo dục về môi trường là một nội dung của chương trình chính khoá của các cấp học phổ thông; nhà nước ưu  tiên đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường, khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo nguồn nhân lực bảo vệ môi trường.

Triển khai những định hướng, quyết sách nêu trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chỉ thị 02/2005/CT-BGDĐT về việc “Tăng cường công tác giáo dục bảo vệ môi trường”; Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT về việc phát động phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực...

Theo đó, các cơ sở giáo dục trong cả nước xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy, học tập và tài liệu tham khảo về Giáo dục bảo vệ môi trường; xây dựng mạng lưới đội ngũ giáo viên cốt cán triển khai nhiệm vụ tập huấn, tuyên truyền về giáo dục bảo vệ môi trường tại cơ sở.

Toàn ngành GD&ĐT tích hợp, lồng ghép các kiến thức, kỹ năng giáo dục bảo vệ môi trường vào nội dung chương trình môn học. Bậc học mầm non đã thực hiện giáo dục môi trường thông qua hoạt động vui chơi theo chuyên đề “Bé làm quen với môi trường xung quanh”; bậc tiểu học với các môn học: Giáo dục sức khỏe, tìm hiểu tự nhiên, xã hội; bậc THCS, THPT lồng ghép chương trình giáo dục bảo vệ môi trường trong nhiều môn học, đặc biệt là môn Địa lí, Sinh học, Giáo dục công dân, Hóa học, tăng cường triển khai dạy học STEM, dạy học thông qua các hoạt động trải nghiệm, thiết thực, ý nghĩa cho cán bộ, giáo viên, học sinh, sinh viên…

Bên cạnh đó, công tác đào tạo thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân về môi trường cũng được đẩy mạnh. Đến nay, ngoài trường Đại học Tài nguyên và Môi trường còn có một số trường đại học có chuyên khoa về môi trường như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP.HCM,  Đại  học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Đại học Kinh tế TP.HCM, Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh...

Bộ GD&ĐT cũng chỉ đạo các trường thông qua các chương trình chính khóa và ngoại khóa lồng ghép giáo dục về pháp luật môi trường cho học sinh từ mầm non, phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường cao đẳng và đại học trong phạm vi cả nước. Phát động phong trào nghiên cứu, viết sáng kiến kinh nghiệm về chủ đề bảo vệ môi trường, chống rác thải nhựa; tổ chức các buổi triển lãm, trưng bày các sản phẩm, đồ dùng tái chế từ đồ nhựa đã qua sử dụng…

Thông qua các giải pháp tích cực, hoạt động cụ thể, ý thức về bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ, học sinh và sinh viên được nâng lên rõ rệt. Mạng lưới giáo dục môi trường đã được hình thành, phát huy tác động tích cực trong việc phối hợp thực hiện công tác giáo dục, đào tạo về môi trường. Có thể khẳng định giáo dục bảo vệ môi trường trong trường học đã đạt nhiều thành công, góp phần không nhỏ cho sự nghiệp bảo vệ môi trường của toàn dân.

***2.2.6 Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường***

Hợp tác quốc tế về môi trường là một trong những nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT) được đề cập trong các Luật BVMT, và là giải pháp quan trọng trong các chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia về môi trường. Trong hơn 20 năm qua, hợp tác quốc tế về môi trường đã hình thành và phát triển mạnh mẽ, đóng góp tích cực cho thành công chung của các hoạt động BVMT ở nước ta. Mỗi giai đoạn phát triển, hợp tác quốc tế về môi trường có những phạm vi, đặc thù và hình thức khác nhau. Cụ thể là, trong những năm 90 thế kỷ trước, hợp tác quốc tế về môi trường chủ yếu được thực hiện qua các dự án hợp tác song phương với Thụy Điển, Ca-na-đa, với nội dung tập trung vào nâng cao năng lực xây dựng thể chế và hình thức là tiếp nhận viện trợ.

Đến nay, hợp tác đã được mở rộng thông qua nhiều đối tác song phương như: Đan Mạch, Nhật Bản, Thụy Sĩ, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Trung Quốc… cũng như các tổ chức quốc tế đa phương (Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc, Quỹ Môi trường toàn cầu, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, ASEAN). Nội dung hợp tác đã đi vào chiều sâu, bao gồm hầu hết các lĩnh vực quản lý môi trường như đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lý ô nhiễm hóa chất tồn lưu, bảo tồn đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu… Hình thức hợp tác được chuyển đổi từ tiếp nhận viện trợ, sang quan hệ đối tác cùng hợp tác giải quyết vấn đề…

Trong giai đoạn tới, hợp tác quốc tế về môi trường có những bối cảnh mới, với những thuận lợi, khó khăn, đòi hỏi phải có định hướng và giải pháp phù hợp với Việt Nam; qua đó tiếp tục hội nhập sâu rộng hơn và từng bước khẳng định vị thế của nước ta trên trường quốc tế trong lĩnh vực môi trường. Về thuận lợi, trong tiến trình hội nhập quốc tế nói chung và hợp tác quốc tế về môi trường nói riêng luôn được coi là một nội dung, giải pháp quan trọng được thể hiện trong các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và các văn bản luật, dưới luật trong lĩnh vực này. Điển hình như: Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014) có ba điều thuộc Chương 17, quy định nội dung hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Trong Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, cũng nêu rõ “Thúc đẩy hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường”...

**2.3 Đánh giá về quản lý nhà nướcđối với tài nguyên môi trường ở Nghệ An**

***2.3.1 Thành tựu đạt được***

Chính phủ ban hành các Nghị định: (1) Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/5/2021 quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường; (2) Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT. Đồng thời, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chỉ thị (Các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: (1) Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 về một số giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý chất thải rắn; (2) Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 18/01/2021 về tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí), kế hoạch (Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường theo Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ) bảo vệ môi trường; ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Đang tập trung xây dựng các Chiến lược, Quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050; triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.

- Đã tổ chức đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra công tác xử lý triệt để ô nhiễm tại 47 làng nghề ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng tại “Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”; ban hành 12 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 2.584 triệu đồng; duy trì 12 Tổ giám sát đối với các dự án, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố ô nhiễm môi trường cao với sự tham gia của chính quyền trung ương và địa phương (Bao gồm: Nhà máy Giấy Lee&Man Việt Nam, Nhà máy Bột - Giấy VNT19 tại KKT Dung Quất, Công ty TNHH Lọc hoá dầu Nghi Sơn tại tỉnh Thanh Hóa; các Dự án tại Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân - Bình Thuận; Nhà máy nhiệt điện sông Hậu tại Hậu Giang và Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải tại Trà Vinh; Dự án Bôxit nhôm Lâm Đồng và các dự án tại Trung tâm điện lực Thái Bình; Dự án “Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt” tại tỉnh Quảng Ngãi; các cơ sở, chủ đầu tư hạ tầng KCN Tằng Loỏng, Lào Cai; các cơ sở đang hoạt động tại Làng nghề Phong Khê và CCN giấy Phong Khê, tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Khai thác chế biến Khoáng sản Núi Pháo, Thái Nguyên; Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất; Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn); tiếp nhận và chuyển địa phương xử lý hơn 140 thông tin phản ánh về môi trường thông qua Đường dây nóng tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường.

- Đã hướng dẫn các địa phương áp dụng các giải pháp tăng tỷ lệ thu gom, xử lý, tái chế chất thải rắn sinh hoạt, giảm tỷ lệ chất thải phải chôn lấp; chất thải nguy hại đã được quản lý tốt hơn. Đến nay, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị ước đạt 87,2%; dự kiến kết quả thực hiện cả năm vượt chỉ tiêu đề ra (87%). Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại ước đạt 85%, đạt chỉ tiêu đề ra của cả năm (85%).

- Đã phối hợp với các địa phương để điều tra, đánh giá, lập danh mục các khu vực đất ô nhiễm và đề xuất kế hoạch xử lý, cải tạo phục hồi môi trường; ban hành hướng dẫn xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tại các địa phương cấp tỉnh; hướng dẫn địa phương giải quyết các vấn đề môi trường nóng, bức xúc; xây dựng, đề xuất các giải pháp đột phá về bảo vệ môi trường đất, nước, không khí cho giai đoạn 2021 – 2025 (Bao gồm: Kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch phòng ngừa xử lý ô nhiễm môi trường do hoá chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước giai đoạn 2021 - 2025; định hướng quản lý môi trường lưu vực sông theo cách tiếp cận mới).

- Đã tổ chức triển khai kiểm kê đất ngập nước ven biển; tăng cường năng lực quản lý đất ngập nước tại một số vùng trọng điểm, đặc biệt là vùng đồng bằng sông Mê Công; phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động hưởng ứng, triển khai sáng kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc trồng 1 tỷ cây xanh; tổ chức vinh danh tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho công tác bảo tồn loài hoang dã giai đoạn 2012 - 2020.

Nhìn chung, thông qua việc triển khai nhiều công cụ, biện pháp quản lý đồng bộ, công tác bảo vệ môi trường trong thời gian qua tiếp tục đạt được nhiều kết quả tích cực; các vụ việc, thông tin tình trạng ô nhiễm môi trường được xử lý nhanh chóng và kịp thời, tạo được sự đồng thuận và ủng hộ của người dân. Một số vấn đề môi trường nóng, bức xúc như ô nhiễm môi trường không khí tại các thành phố lớn đã được Bộ kịp thời có văn bản hướng dẫn địa phương phối hợp giải quyết. So với thời điểm tháng 6/2020 (trước thời điểm Nghị quyết số 134/2020/QH14 được ban hành), nhiều chỉ tiêu môi trường có kết quả tích cực như số lượng các KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung tăng 13 KCN, tương ứng tăng 1,7%, số lượng KCN đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục tăng 20 KCN, tương ứng tăng hơn 8%, số lượng CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung tăng 05 CCN, tương ứng tăng 1%; số lượng cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg hoàn thành xử lý triệt để tăng 40 cơ sở, tương ứng tăng 8,8%.

***2.3.2 Ngyên nhân và hạn chế***

- Nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và người dân về công tác bảo vệ môi trường chưa đầy đủ, chưa chuyển thành ý thức và hành động cụ thể.

- Tổ chức bộ máy còn chưa phù hợp, tương xứng; chức năng, nhiệm vụ chồng chéo, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước còn thấp; công tác tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực trong xã hội còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Khoa học và công nghệ chưa có nhiều đóng góp thiết thực, đột phá cho công tác bảo vệ môi trường.

- Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường còn thiếu chủ động, chưa tranh thủ được tối đa, chưa nắm bắt kịp thời các cơ hội huy động hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ về bảo vệ môi trường. Khai thác nguồn hỗ trợ kỹ thuật, chuyên gia và kinh nghiệm quốc tế chưa hiệu quả.

***2.3.3 Giải pháp và phương hướng***

- Một là, tập trung phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, đảm bảo thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

- Hai là, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại các Chỉ thị, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ môi trường.

- Ba là, triển khai hoạt động của các Tổ giám sát về môi trường đối với các dự án, cơ sở sản xuất lớn đã được thành lập; huy động sự vào cuộc của tất cả các địa phương cấp tỉnh trong việc rà soát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở có nguồn thải thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thuộc phạm vi quản lý. Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác quan trắc môi trường và đa dạng sinh học, nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo về chất lượng môi trường.

- Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về môi trường theo hướng thực hiện đơn giản hoá về điều kiện và cách thức thực hiện, bãi bỏ các thủ tục hành chính không thực sự cần thiết cho công tác quản lý môi trường; lồng ghép, tích hợp việc thẩm định các thủ tục hành chính liên quan trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Thực hiện chuyển đổi số để tiến tới thực hiện Chính phủ số, nền kinh tế số đối với lĩnh vực môi trường.

- Năm là, phối hợp tốt với các bộ, ngành, địa phương để ứng phó, xử lý kịp thời, hiệu quả đối với các vụ việc, sự cố liên quan đến môi trường phát sinh; kiện toàn và vận hành hiệu quả đường dây nóng về ô nhiễm môi trường trên phạm vi cả nước nhằm giải quyết những vấn đề ô nhiễm môi trường.

- *Sáu là,* tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

**CHƯƠNG 3 : ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỂU QUẢ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TẠI NGHỆ AN**

**3. Đinh hướng và giải pháp nâng cao hiểu quả về tài nguyên và môi trường tại Nghệ An**

3**.3.1. Định hướng phát triển về tài nguyên và môi trường ở Nghệ An**

*Thứ nhất*; phát triển kinh tế xanh: Khuyến khích các ngành công nghiệp sạch, phát triển năng lượng tái tạo (như năng lượng gió, mặt trời) và các ngành kinh tế có lợi cho môi trường, giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên thiên nhiên.

*Thứ hai;* chú trọng bảo tồn tài nguyên: Quản lý chặt chẽ tài nguyên rừng, nước, đất đai và khoáng sản để tránh cạn kiệt và ô nhiễm. Đặc biệt, việc bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng cần được ưu tiên.

*Thứ ba;* đẩy mạnh công tác giáo dục môi trường: Nâng cao nhận thức cộng đồng về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, từ đó thay đổi hành vi tiêu dùng và sản xuất bền vững.

**3.3.2 Giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường ở Nghệ An**

*Thứ nhất*; tăng cường tuyên tuyền phổ biến đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn những quy định mới của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ môi trường thông qua các phong trào đã phát huy hiệu quả (Ngày chủ nhật xanh, các mô hình về tiết kiệm sinh thái, xử lý chất thải, cải tạo cảnh quan. Tăng cường sự giám sát của cộng đồng dân cư và khuyến khích, động viên các cá nhân, tổ chức thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Sớm xử lý tình trạng gây ô nhiễm môi trường tại các bãi rác thải, khu xử lý rác thải trên đại bàn tỉnh. Thực hiện nghiêm túc và đúng các quy định, quy chuẩn của các khu công nghiệp, cụm công nghiêp, làng nghề để khuyến khích phát triển và hạn chế làm ảnh hưởng đến môi trường. Tổ chức tốt việc kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý các nguồn thải, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Trong đó, quan tâm xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; có phương án xử lý rác thải xây dựng; hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại đô thị, khu dân cư, cụm dân cư nông thôn, các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề, cụm công nghiệp, cơ sở khám chữa bệnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; có kế hoạch, phương án thay thế Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Nghi Yên sau khi nơi này hoạt động hết công suất. Tập trung xử lý dứt điểm các điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật; giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường tồn đọng kéo dài như tại bãi rác Đông Vinh, Bệnh viện Ung bướu (cơ sở 1) và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường khác. Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - những nơi dễ xảy ra ô nhiễm môi trường, tỉnh Nghệ An tiếp tục huy động mọi nguồn lực tài chính để đầu tư cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các giải pháp, mô hình phát triển gắn với đảm bảo về môi trường. Mức chi cho sự nghiệp môi trường không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế cho hoạt động bảo vệ môi trường. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An cho biết, trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện có 19 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; nhiều địa phương trong tỉnh cũng đang xuất hiện nguy cơ ô nhiễm môi trường. Cụ thể, trong tổng số 165 làng nghề trên địa bàn tỉnh hầu hết các cơ sở có quy mô nhỏ, manh mún, chủ yếu là quy mô hộ gia đình, công nghệ lạc hậu nên gây ô nhiễm môi trường trầm trọng, nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định, chất thải rắn xử lý không triệt để

*Thứ hai*; quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải và kêu gọi các nhà đầu tư triển khai các dự án có công nghệ xanh, thân thiện với môi trường. Ưu tiên và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp các nhà đầu tư vào địa bàn nhưng phải đảm bảo đúng quy định, đúng luật; những dự án, công trình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường thì kiên quyết không cho triển khai. Chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện trách nhiệm theo phân cấp, phân nhiệm tại Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND, ngày 07/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường trên địa bàn, trước hết quy trách nhiệm đối với người đứng đầu địa phương. Giao các ban, sở, ngành đưa kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu về công tác bảo vệ môi trường vào đánh giá tổng kết thi đua khen thưởng cuối năm. Tại nhiều địa phương trong tỉnh Nghệ An, vấn đề thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là tại các vùng nông thôn, miền núi; nhiều dự án thu hút đầu tư cơ sở xử lý rác thải chỉ mới dừng lại ở chủ trương đầu tư mà chưa được triển khai xây dựng. Hơn nữa, một số cơ sở sản xuất, kinh doanh chậm trễ trong việc khắc phục ô nhiễm môi trường gây bức xúc cho nhân dân và áp lực cho công tác quản lý nhà nước, phổ biến nhất là tại một số trang trại chăn nuôi, nhà máy xi măng,   
nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do nguồn lực tài chính cho sự nghiệp bảo vệ môi trường còn hạn chế; nguồn tài chính để giải quyết các điểm bức xúc về ô nhiễm môi trường còn thiếu và chưa kịp thời; cán bộ làm công tác quản lý môi trường cấp huyện đa số còn kiêm nhiệm, thiếu kinh nghiệm, do vậy việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạo xử lý các vấn đề môi trường tại địa phương còn nhiều hạn chế. Cần triển khai các biện pháp mạnh mẽ để ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm việc xây dựng các kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và bảo vệ cơ sở hạ tầng, tài nguyên nước và đất đai trước các tác động của thiên nhiên

*Thứ ba;* tiếp tục chỉ đạo việc hoàn thiện mạng lưới thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; chất thải nguy hại phát sinh trong nông nghiệp, sinh hoạt của người dân trên địa bàn toàn tỉnh trong năm 2020. Đầu tư trang thiết bị, nhân lực cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường. Bố trí đầy đủ kinh phí cấp huyện, xã để đảm bảo đủ bù đắp chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn. Việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt vẫn còn một số bất cập. Như bãi rác chưa đảm bảo khoảng cách; công nghệ chôn lấp lạc hậu; nhiều bãi rác tự phát gây ô nhiễm môi trường; thu gom, xử lý rác thải tại vùng nông thôn, miền núi chưa có giải pháp hữu hiệu; việc thu hút các dự án nhà máy, công nghệ xử lý chất thải rắn trên địa bàn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế tại địa phương; một số dự án vận hành không hiệu quả hoặc không đủ kinh phí để hoạt động; thu gom chất thải tại nhiều điểm du lịch, các cơ sở dịch vụ lưu trú còn gây ô nhiễm môi trường cục bộ. Thực hiện tốt quy định việc bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất của Bộ nhằm sớm phát hiện, xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố; tiếp tục rà soát, đôn đốc các chủ giếng thực hiện trám lấp các loại giếng khoan không sử dụng trên địa bàn. Các hoạt động khai thác khoáng sản, công nghiệp, nông nghiệp và phát triển đô thị đã tạo ra áp lực lớn lên tài nguyên và môi trường. Ô nhiễm không khí, nguồn nước, đất đai và suy giảm chất lượng môi trường là những vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt tại các khu công nghiệp và vùng khai thác tài nguyên

*Thứ tư;* tăng cường công tác xã hội hóa, thu hút đầu tư trong xây dựng hạ tầng cấp nước, xử lý rác thải tại các địa phương. Xây dựng lộ trình thực hiện và nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các công trình bảo vệ môi trường tại làng nghề, cụm công nghiệp, xử lý ô nhiễm triệt để tại các bãi rác. Tổ chức tốt việc theo dõi, giám sát, cảnh báo, quản lý chất lượng môi trường, thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ; đôn đốc, yêu cầu các đơn vị lắp đặt, hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường tự động và truyền dẫn dữ liệu quan trắc theo đúng quy định của pháp luật về môi trường; cập nhật hệ thống, hạ tầng công nghệ thông tin để phục vụ cho việc vận hành, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về môi trường. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường; ưu tiên bố trí tăng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm cho các cấp, các đơn vị; khuyến khích, huy động, tổ chức thực hiện xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường. Việc bảo vệ tài nguyên nước, khai thác sử dụng nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm là trách nhiệm của toàn xã hội mà mỗi cá nhân chúng ta cùng chung tay góp sức vì một tương lai về tài nguyên nước bền vững.

*Thứ năm*; nâng cao chất lượng công tác thẩm định khi cấp phép các dự án. Chỉ cấp phép cho cơ sở hoạt động chính thức khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường, vận hành thử nghiệm đạt quy chuẩn môi trường được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của các cơ quan chức năng. Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh. Tăng cường phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra các cơ sở, hộ gia đình, cá nhân việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và chấn chỉnh, xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất với người có thẩm quyền xử phạt. Đồng thời, thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực trong công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường theo quy định; thành lập các đoàn kiểm tra công tác bảo vệ môi trường để kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm và chấn chỉnh những thiếu sót trong quá trình hoạt động. Mặc dù có hệ thống pháp lý khá đầy đủ, nhưng việc thực thi các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường tại Nghệ An vẫn gặp phải một số khó khăn. Cụ thể, một số khu vực còn thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý, và việc xử lý vi phạm môi trường đôi khi chưa kịp thời hoặc chưa đủ mạnh mẽ. Cần nâng cao năng lực giám sát và quản lý môi trường, đặc biệt là trong các lĩnh vực khai thác tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp. Việc áp dụng công nghệ tiên tiến và các giải pháp xanh là điều cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

**Kết Luận**

Nâng cao hiệu quả về tài nguyên và môi trường tại Nghệ An đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức quốc tế. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ tài nguyên, phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ đảm bảo lợi ích lâu dài cho môi trường mà còn góp phần vào sự phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh Nghệ An. Đồng thời, nêu các nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém; đề xuất các giải pháp tuyên truyền và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trên địa bàn Nghệ An. đánh giá cao sự tâm huyết, đóng góp ý kiến sâu sát, thiết thực của các đại biểu. Ban Tuyên giáo Trung ương tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến, tình hình địa phương để gửi các cơ quan chức năng tham mưu, xử lý nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết chuyên đề về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Nghệ An có tiềm năng tài nguyên thiên nhiên lớn, nhưng cũng gặp không ít thách thức trong việc bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên này. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường là cần thiết để đảm bảo tương lai lâu dài cho tỉnh Nghệ An đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhưng vẫn còn những khó khăn và thách thức cần phải giải quyết. Việc phát triển kinh tế trong tỉnh cần đi đôi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững cho các thế hệ sau. Cải thiện công tác quản lý, giám sát và tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng sẽ là chìa khóa để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và môi trường tại Nghệ An trong tương lai

***Tài liệu tham khảo***

1. [1]. Bùi Văn Quyết (2000), Giáo trình kinh tế môi trường, NXB Tài chính [
2. [2].Tạp chí tài nguyên và môi trường (<http://www.tapchitainguyenvamoitruong.vn>)
3. [3] Nguyễn Thế Chinh (2003), Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê
4. [4] Đặng Mộng Lân (2001), Các công cụ quản lý môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật [
5. [5] Đoàn thị Lan Phương(2011), Kinh tế môi trường, NXB THông tin và Truyền thông.
6. [6] <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/5D27E-hd-hinh-thuc-xu-phat-chinh-khi-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-bao-ve-moi-truong.html>